

TTĐT

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1054/TTg-KTTH

Hà Nội, ngày 15 tháng 7 năm 2015

V/v trả lời chất vấn của Đại biểu Quốc hội Nguyễn Thị Kim Thúy

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ
ĐẾN Giờ: ... 6 ...
Ngày: 15/7

Kính gửi:

- Đại biểu Nguyễn Thị Kim Thúy,
Đoàn Đại biểu Quốc hội thành phố Đà Nẵng;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội thành phố Đà Nẵng.

Ngày 12 tháng 6 năm 2015, Văn phòng Quốc hội có Công văn số 105/PC-VPQH gửi đến Thủ tướng Chính phủ chất vấn của Đại biểu Quốc hội Nguyễn Thị Kim Thúy với nội dung như sau:

“Hiện nay Việt Nam đã gia nhập nhiều hiệp định thương mại đa phương và song phương và cuối năm nay sẽ mở cửa thị trường hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN), trong đó có thị trường lao động. Người dân rất quan tâm và lo lắng.

Đề nghị Thủ tướng cho biết: Chính phủ đã chuẩn bị giải pháp gì để hạn chế rủi ro khi hàng hóa, doanh nghiệp, lao động nước ngoài tự do vào Việt Nam? Liệu có tránh được tình trạng sản xuất của các doanh nghiệp Việt Nam đình đốn, hàng hóa nội địa bị ế ẩm, lao động trong nước gia tăng thất nghiệp?”

Về vấn đề này, Thủ tướng Chính phủ xin trả lời Đại biểu như sau:

1. Về vấn đề hàng hóa nước ngoài cạnh tranh đối với hàng hóa nội địa

Thực hiện chủ trương của Đảng, Việt Nam đã tích cực triển khai hội nhập kinh tế quốc tế trên tất cả các phương diện song phương, khu vực và đa phương. Trong năm 2015 này, nổi bật hơn cả là việc thành lập Cộng đồng Kinh tế ASEAN, ký kết 2 Hiệp định FTA song phương với Liên minh Kinh tế Á - Âu và Hàn Quốc và đi vào giai đoạn đàm phán cuối cùng 2 FTA lớn khác là Hiệp định TPP và FTA với Liên minh châu Âu.

Các hoạt động hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế này luôn mang lại cả lợi ích và thách thức, trong đó có một số điểm lưu ý như sau:

- Thứ nhất, sức ép cạnh tranh do Việt Nam thực hiện cắt giảm thuế nhập khẩu từ năm 1996 (khi bắt đầu gia nhập ASEAN) theo Chương trình ưu đãi thuế quan phổ cập (CEPT/AFTA). Trong quá trình đàm phán, Việt Nam đã cố gắng yêu cầu có lộ trình cắt giảm thuế dài nhất có thể, cụ thể là kéo dài đến năm 2015, một số mặt hàng nhạy cảm được linh hoạt đến 2018, trong khi các nước ASEAN-6 đã cơ bản hoàn tất lộ trình vào năm 2010 với mức độ tự do hóa tới 99% biểu thuế. Như vậy, doanh nghiệp cũng đã có thời gian để chuẩn bị cho thách thức.

- Thứ hai, sức ép cạnh tranh trong mỗi ngành hàng là khác nhau, tùy thuộc vào năng lực sản xuất, cạnh tranh của sản phẩm nội địa tương tự cũng như nhu cầu của thị trường. Thậm chí ngay trong cùng một ngành hàng thì sức ép cạnh tranh với từng doanh nghiệp cũng có thể khác nhau. Ví dụ, một số mặt hàng nông sản có thể phải cạnh tranh mạnh hơn với hàng hóa tương đồng đến từ các nước ASEAN trong khi đó, mức độ cạnh tranh trong lĩnh vực dệt may có thể không quá gắt gao do sản phẩm từ các đối tác như EU thuộc phân khúc cao cấp. Ngược lại, nhiều loại đầu vào như máy móc, trang thiết bị, nguyên vật liệu lại là hàng hóa Việt Nam rất cần để phục vụ cho sản xuất phục vụ tiêu dùng trong nước và xuất khẩu. Một số đối tác trong các FTA (Việt Nam - EU, TPP) có cơ cấu hàng xuất khẩu chủ yếu là máy móc, thiết bị, sản phẩm công nghệ cao sẽ mang tính bổ sung cho nền kinh tế Việt Nam hơn là cạnh tranh với sản xuất trong nước.

- Thứ ba, cạnh tranh có tính hai mặt không thể phủ nhận. Một mặt, cạnh tranh sẽ có tác động tiêu cực đối với các doanh nghiệp yếu kém. Mặt khác, cạnh tranh mang lại động lực cho các doanh nghiệp liên tục đổi mới, sáng tạo và phát triển, đồng thời tạo ra thêm nhiều sự lựa chọn cho người tiêu dùng.

- Cuối cùng, quan trọng hơn cả đây là con đường Việt Nam phải đi qua để đổi mới mô hình tăng trưởng, chuyển dịch cơ cấu kinh tế thành công, theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, chất lượng và hiệu quả của tăng trưởng kinh tế.

Xét trên bức tranh lớn, tác động tổng thể và cộng hưởng của các Hiệp định FTA là tích cực với các lợi ích lớn như: (i) giúp nước ta thiết lập và củng cố trạng thái cân bằng động trong quan hệ với các đối tác, tránh phụ thuộc sâu vào một thị trường hay một khu vực thị trường cụ thể; (ii) mở rộng hơn nữa thị trường cho hàng xuất khẩu, đặc biệt là những sản phẩm mà Việt Nam có thế mạnh, từ đó giúp giải quyết các vấn đề liên quan như lao động, việc làm, ...; (iii) tạo thêm động lực cải cách thể chế, giúp xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật rõ ràng, minh bạch; và (iv) thúc đẩy đầu tư của nước ngoài vào Việt Nam.

Để hỗ trợ các doanh nghiệp tận dụng tốt các cơ hội mà tự do hóa trong khu vực ASEAN nói riêng và tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế nói chung mang lại, xây dựng năng lực cạnh tranh, tham gia chuỗi cung ứng khu vực... Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Công Thương, các cơ quan liên quan triển khai nhiều biện pháp khác nhau, cụ thể là:

- Đàm phán, cam kết hội nhập kinh tế quốc tế với lộ trình chuyển đổi phù hợp để doanh nghiệp có thời gian chuẩn bị, đặc biệt là cam kết mở cửa thị trường đối với các loại hàng hóa nhạy cảm của Việt Nam. Trong các FTA đã ký và đang đàm phán, Việt Nam đều cố gắng giữ lộ trình mở cửa (cắt giảm thuế quan) với những mặt hàng nhạy cảm (tùy vào quan hệ thương mại song phương) từ 05 - 07 năm, tạo điều kiện cho doanh nghiệp Việt Nam làm quen vươn lên thích ứng.

- Chú trọng công tác tuyên truyền, phổ biến, coi đây là biện pháp quan trọng để khai thác tốt lợi ích của hội nhập khu vực. Bộ Công Thương đã và đang tích cực triển khai Chương trình truyền thông về Cộng đồng Kinh tế ASEAN với các hoạt động chính gồm tổ chức hội thảo ở nhiều tỉnh, thành trên cả nước để giới thiệu về các Hiệp định ASEAN cho doanh nghiệp địa phương, xuất bản nhiều ấn phẩm, phim ngắn giới thiệu về AEC, các cam kết của ta...

- Tiếp tục thúc đẩy việc mở cửa thị trường ASEAN và các đối tác cho các sản phẩm mà Việt Nam có thế mạnh.

- Phối hợp tích cực với doanh nghiệp giải quyết các biện pháp hạn chế thương mại mới tại các thị trường xuất khẩu, kể cả các biện pháp như hàng rào kỹ thuật, chống bán phá giá, chống trợ cấp, tự vệ.

- Chủ động vận dụng các biện pháp tự vệ, chống bán phá giá để đối phó với hàng hóa nhập khẩu ảnh hưởng tiêu cực hoặc cạnh tranh không bình đẳng đối với hàng hóa sản xuất trong nước.

- Hỗ trợ doanh nghiệp thông qua các kênh hợp tác kinh tế, xúc tiến thương mại và đầu tư để tìm hiểu, thâm nhập và phát triển thị trường.

- Khuyến khích phát triển công nghiệp hỗ trợ để góp phần thu hút đầu tư, đảm bảo hiệu ứng lan tỏa của đầu tư, mang lại lợi ích trực tiếp và thiết thực cho doanh nghiệp và người dân địa phương, đồng thời xây dựng năng lực dài hạn cho hội nhập kinh tế trong tương lai.

2. Về vấn đề lao động nước ngoài tự do vào Việt Nam

- Các cam kết của Việt Nam trong WTO hay trong các Hiệp định FTA khác đều không áp dụng đối với các biện pháp tác động đến thị trường lao động, quốc tịch, cư trú hay việc làm thường xuyên của Việt Nam. Các cam kết trong WTO chỉ dành cho các lao động có kỹ năng và trình độ cao (đây là đối tượng mà thị trường lao động trong nước chưa đáp ứng đủ và thực tế ta có nhu cầu) và các lao động chỉ di chuyển ngắn hạn, tạm thời. Các cam kết này cũng đã được thực hiện kể từ khi ta gia nhập WTO từ năm 2007.

- Trong khuôn khổ Hiệp định Di chuyển thể nhân trong ASEAN ký năm 2012, cam kết di chuyển thể nhân của Việt Nam cũng tương tự như cam kết trong WTO, không phát sinh nghĩa vụ mới.

- Trong khuôn khổ các Hiệp định Thương mại tự do (FTA) với các đối tác, ta hiện vẫn đang giữ mức cam kết tương đương trong WTO, trừ trường hợp của Ấn Độ, ta cam kết thêm đối tượng nhà cung cấp dịch vụ kiến trúc theo hợp đồng, phù hợp với quy định trong nước.

- Ngoài ra, trong khuôn khổ ASEAN, Việt Nam đã tham gia 7 thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau (MRA) trong khuôn khổ ASEAN về các dịch vụ chuyên môn là: dịch vụ kỹ thuật (2005), dịch vụ điều dưỡng (2006), dịch vụ kiến trúc (2007), chứng chỉ giám sát khảo sát (2007), người hành nghề y (2009), người hành nghề nha khoa (2009), thỏa thuận khung về kế toán (2009) và sau đó được kế thừa bởi MRA về kế toán (2014). Mục đích của các MRA này là tạo điều kiện thuận lợi cho sự di chuyển của các chuyên gia trong ASEAN, trong đó có

các chuyên gia của ta thông qua việc công nhận các kỹ năng tương đương. Tuy nhiên, một số MRA chỉ mới nhằm thiết lập khuôn khổ chung cho việc đàm phán các MRA đa phương hoặc song phương giữa các nước thành viên trong tương lai, chưa cam kết các nghĩa vụ cụ thể. Về cơ bản, các cam kết của Việt Nam phù hợp với khuôn khổ quy định trong nước.

- Mặt khác, hội nhập kinh tế quốc tế cũng sẽ mở ra những cơ hội việc làm mới. Theo dự báo của Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO) phối hợp với Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) vào tháng 9 năm 2014, sự ra đời của Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC) trong năm 2015 sẽ hỗ trợ thúc đẩy tăng trưởng GDP của Việt Nam thêm 14,5% và tăng trưởng việc làm thêm 10,5% vào năm 2025. Tuy nhiên, việc Việt Nam có đạt được tiềm năng đó hay không còn phụ thuộc rất nhiều vào các chính sách thị trường lao động, trình độ và năng suất lao động trong nước.

- Khi tham gia Cộng đồng Kinh tế ASEAN, Việt Nam có những lợi thế nhất định, mà lợi thế lớn nhất của Việt Nam là có lực lượng lao động dồi dào và cơ cấu lao động trẻ. Tuy nhiên, chúng ta còn gặp nhiều khó khăn, hạn chế và những thách thức không nhỏ do xuất phát điểm thấp, tỷ lệ lao động tham gia vào thị trường lao động chính thức đạt khoảng 30%, chất lượng và cơ cấu lao động vẫn còn nhiều bất cập so với yêu cầu phát triển và hội nhập.

Để bảo đảm người lao động nước ngoài tự do vào Việt Nam tuân thủ theo đúng các cam kết quốc tế và tạo điều kiện giải quyết việc làm cho lao động thất nghiệp trong nước, Chính phủ đã và đang đẩy mạnh thực hiện nhiều giải pháp, trong đó tập trung vào những giải pháp sau:

Thứ nhất, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về lao động - việc làm, trước hết là các văn bản hướng dẫn Bộ luật lao động, Luật việc làm và Luật giáo dục nghề nghiệp, trong đó quy định cụ thể về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam, hỗ trợ dịch chuyển việc làm cho lao động nông thôn, hỗ trợ tạo việc làm cho thanh niên, chính sách việc làm công, đào tạo và nâng cao kỹ năng nghề cho người lao động... nhằm tạo hành lang pháp lý thuận lợi trong việc đào tạo, tuyển lao động, quản lý lao động, giải quyết việc làm cho người lao động.

Thứ hai, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của Việt Nam đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế và hội nhập kinh tế quốc tế, trước hết là đào tạo chuyên môn kỹ thuật, ngoại ngữ, kỹ năng làm việc, ý thức kỷ luật lao động và tác phong công nghiệp của người lao động. Tăng cường nâng cao năng lực cho các cơ sở đào tạo nghề, gắn đào tạo nghề với việc làm và gắn kết các cơ sở đào tạo với doanh nghiệp.

Thứ ba, nâng cao các hoạt động của Trung tâm dịch vụ việc làm, nhất là các hoạt động về dự báo thông tin thị trường lao động, tư vấn, giới thiệu việc làm và cung ứng lao động cho người lao động; tăng tần suất các hoạt động giao dịch việc làm nhằm tạo điều kiện và cơ hội kết nối việc làm giữa người lao động và người sử dụng lao động để người lao động có việc làm, thu nhập.

Xin cảm ơn Đại biểu và Đoàn Đại biểu Quốc hội thành phố Đà Nẵng đã
quan tâm đến vấn đề trên./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TTgCP, các PTTg;
- Văn phòng Quốc hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg,
các Vụ: KGVX, QHQT, TKBT, TH;
TGD Công TTĐT;
- Lưu: VT, KTTH(3). LT. *đb*

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Nguyễn Trung Hải